

Số: **05** /2018/TT-BNV

Hà Nội, ngày **09** tháng **5** năm 2018

THÔNG TƯ

**Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức
Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim
thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức – Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Mã số chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông

1. Chức danh Âm thanh viên

- | | |
|---------------------------|------------------|
| a) Âm thanh viên hạng I | Mã số: V11.09.23 |
| b) Âm thanh viên hạng II | Mã số: V11.09.24 |
| c) Âm thanh viên hạng III | Mã số: V11.09.25 |
| d) Âm thanh viên hạng IV | Mã số: V11.09.26 |

2. Chức danh Phát thanh viên

- | | |
|-----------------------------|------------------|
| a) Phát thanh viên hạng I | Mã số: V11.10.27 |
| b) Phát thanh viên hạng II | Mã số: V11.10.28 |
| c) Phát thanh viên hạng III | Mã số: V11.10.29 |
| d) Phát thanh viên hạng IV | Mã số: V11.10.30 |

3. Chức danh Kỹ thuật dựng phim

- | | |
|-------------------------------|------------------|
| a) Kỹ thuật dựng phim hạng I | Mã số: V11.11.31 |
| b) Kỹ thuật dựng phim hạng II | Mã số: V11.11.32 |